

Châu Thành, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Số:11/2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 357/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lữ Thị H**; sinh năm: 1970

Địa chỉ: **số C ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre**

* *Bị đơn:* Anh **Lữ phước T**, sinh năm: 1975,

Địa chỉ: **Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

1.1/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh **Lữ Phước T1** thừa nhận có nợ bà **Lữ Thị H** số tiền nợ vay là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

1.2/ Anh **Lữ Phước T1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Lữ Thị H** số tiền nợ vay 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng). Trả cụ thể như sau:

Ngày 01/02/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/3/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/4/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/5/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/6/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/7/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/8/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/9/2024 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng); ngày 01/10/2024 trả 3.000.000đ (Ba Triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lữ Thị H** không yêu cầu anh **Lữ Phước T1** trả lãi suất của số tiền nêu trên.

2/ Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi người nhận chịu 50% án phí.

3.1/ Anh **Nguyễn Phước T2** nhận chịu 50% án phí là 587.500đ (Năm trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2/ Bà **Lữ Thị H** nhận chịu 50% án phí là 587.500đ (Năm trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001669 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà **Lữ Thị H** được hoàn lại số tiền là 662.500đ (Sáu trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan